

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày: 10 - 4 - 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-DS ngày 04/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST-DS ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

*** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là:**

1/ Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2/ Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1999 (có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Quách Thị T**. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Vào năm 2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có làm chủ các dây hụi và có nhiều người tham gia chơi hụi, trong đó có vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Quách Thị T tham gia chơi hụi, cụ thể như sau:

- Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng (hụi tháng), khai ngày 20/8/2019 âm lịch (âl), mỗi tháng khai 01 lần, có 24 phần, ông N chơi 01 phần.

- Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng (hụi tháng), khai ngày 06/01/2020 âm lịch (âl), mỗi tháng khai 01 lần, có 24 phần, ông N chơi 01 phần.

- Dây 3: Hụi 2.000.000 đồng (hụi tháng), khai ngày 15/9/2020 âm lịch (âl), mỗi tháng khai 01 lần, có 24 phần, ông N chơi 01 phần.

- Dây 4: Hụi 2.000.000 đồng (hụi tháng), khai ngày 10/11/2020 âm lịch (âl), mỗi tháng khai 01 lần, có 23 phần, ông N chơi 01 phần.

Các dây hụi này ông N và bà T đã hốt hết tất cả và bà T đã giao đủ tiền hụi cho ông N và bà T, khi giao có làm biên nhận và ông N có ký tên. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi xong thì ông N và bà T không đóng hụi chết lại cho bà T. Sau đó, giữa hai bên có thỏa thuận thì ông N và bà T thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi chết là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 19/04/2020 âm lịch ông N và bà T có vay của bà T số tiền là 10.000.000 đồng, mục đích vay tiền là dùng để chi tiêu trong gia đình, ông N và bà T có hứa là vài ngày sau sẽ trả, việc vay tiền ông N có ghi biên nhận cho bà T. Đến ngày 29/01/2021 âm lịch ông N và bà T tiếp tục vay thêm của bà T số tiền là 10.000.000 đồng, ông N và bà T có hứa là vài ngày sau sẽ trả hết nợ cho bà T, việc mượn tiền có làm biên nhận, ông N ký tên vào. Như vậy, ông N và bà T nợ của bà T tổng cộng là 120.000.000 đồng. Sau đó, bà T có liên hệ với ông N và bà T để đòi tiền thì ông N làm biên nhận thừa nhận còn nợ bà tổng số tiền trên và có ký tên vào biên nhận, hứa sẽ trả dần.

Sau đó, vào ngày 24/11/2023 thì ông N và bà T có trả cho bà T được số tiền 24.000.000 đồng, còn nợ lại 96.000.000 đồng và có hứa đến vụ Đông xuân năm 2024 sẽ trả thêm 16.000.000 đồng, ông N có ký vào biên nhận. Tuy nhiên, khi đến vụ Đông Xuân 2024 thì ông N chỉ trả cho bà T được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 86.000.000 đồng cho đến nay. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông N và bà T trả số tiền còn nợ nhưng ông N và bà T không thực hiện.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Quách Thị T có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà T số tiền còn nợ là 86.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông

báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ: tại Khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền hui và tiền vay còn nợ là 86.000.000 đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nguyên đơn có cung cấp “Biên nhận”, theo nội dung biên nhận thể hiện “*Tính nợ chín N ngày 24 tháng 11 âm năm 2023, Chín N hứa tới đồng xuân năm 2024 trả cho út D 16 triệu đồng. Tất cả chú Chín N và thiếm Quất Thị T còn thiếu lại gia đình út D với số nợ là 96.000.000 đồng*”. Biên nhận có thể hiện chữ ký và chữ viết của bị đơn và cũng có đoạn ghi ý kiến của bị đơn “*Tới đông xuân tôi trả 16.000.000 đồng, mười sáu triệu đồng còn lại 80.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, khi tới hạn phía bị đơn chỉ trả được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại 86.000.000 đồng. Ngoài ra, từ khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn không có văn bản trình bày đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, cũng như ý kiến đối với các tài liệu nguyên đơn cung cấp. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền hui còn nợ 86.000.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận theo quy định Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T liên đới cùng bị đơn trả số tiền 86.000.000 đồng. Ngày 27/02/2025 Tòa án tiến hành ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T, nhưng bà T không đồng ý cung cấp lời khai vì bà cho rằng không có liên quan đến vụ án. Xét thấy, theo các tờ xác nhận của bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trần Thị Hồng N, cùng ngày 09/4/2025 và tại phiên tòa người làm chứng bà Phan Thị Ái L và bà Nguyễn Thị T K đều xác nhận "*Những người này thừa nhận đều tham gia chơi do bà T làm chủ. Khi đi khai hui tại nhà bà T thì có vài lần nhìn thấy bà T là vợ của ông N đi khai hui các dây hui ông N tham gia do bà T làm chủ*". Đồng thời, giữa ông N và bà T có quan hệ vợ chồng và số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T có trách nhiệm liên đới cùng bị đơn trả nợ là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tổng số tiền còn nợ là 86.000.000 đồng (*tám mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.300.000 đồng (*bốn triệu ba trăm ngàn đồng*).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn bà T đã nộp là 2.150.000 đồng (*hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007256, ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Phước Toàn